

Số: 116/QĐ – MN 19/5

Quận 10, ngày 31 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy chế quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, quản lý cập nhật hồ sơ điện tử quản lý cán bộ công chức, vận hành Cổng thông tin điện tử và khai thác, sử dụng hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo.

TRƯỜNG MÀM NON 19/5

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin mạng ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn Cứ Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2007 của chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước;

Căn Cứ Nghị định 13/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của chính phủ quy định chi tiết và các biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin mạng;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng GDĐT giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025";

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và CDS trong GDĐT giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Công văn số 478/BGDĐT –CNTT ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong Giáo dục – Đào tạo giai đoạn 2022-2025 định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2010 quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 quy định ứng dụng CNTT trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê ngành giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 26/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2019 Quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống CSDL ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 10 năm 2020 Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại Sở GDĐT, phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 Quy định về CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của CSDL Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh về việc phê duyệt chương trình chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh về việc ban hành kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của ngành Giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022-2025 định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt chiến lược quản trị dữ liệu của Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 3799/UBND-NCPC ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Triển khai thực hiện các quy định của Luật Cư trú và nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn TPHCM;

Căn cứ Kế hoạch số 1273/KH-SGDĐT ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai Chương trình Chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1270/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về ban hành kế hoạch triển khai tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030;

Căn cứ Văn bản số 3672/SGDĐT-VP ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Về triển khai thực hiện quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy chế hoạt động Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Kế hoạch số 207/KH-MN19/5 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Trường Mầm non 19/5 về triển khai tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025;

Xét đề nghị của Hội đồng trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là quy chế quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cập nhật hồ sơ điện tử quản lý cán bộ công chức, vận hành Cổng thông tin điện tử và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo trong trường Mầm non 19/5.

Điều 2. Cán bộ, giáo viên, nhân viên trường Mầm non 19/5 có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy chế trước đây trái với Quyết định này đều không còn hiệu lực./.

Nơi nhận:

- BGH, tổ trưởng CM;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lý Minh Hà

QUY CHẾ

**Quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin,
chuyển đổi số, cập nhật hồ sơ điện tử quản lý cán bộ công chức, vận hành
Cổng thông tin điện tử và khai thác, sử dụng hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành
Giáo dục và Đào tạo**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 116/QĐ-MN19/5 ngày 31 tháng 5 năm
2024 của Trường Mầm non 19/5)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng thực hiện

1. Quy chế này quy định việc quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hồ sơ điện tử quản lý cán bộ công chức, vận hành Cổng thông tin điện tử và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo trong trường Mầm non 19/5.

2. Quy chế này áp dụng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên trường Mầm non 19/5.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ

1. Tổ chức, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đơn vị

2. Quản lý dạy và học trực tuyến; xây dựng và sử dụng học liệu số.

3. Thông tin, tuyên truyền trên môi trường mạng, trao đổi công việc bằng thư điện tử công vụ.

4. Vận hành Cổng thông tin điện tử.

5. Cập nhật và quản lý hồ sơ điện tử cán bộ công chức, thực hiện nâng lương và quản lý lương bằng hệ thống điện tử kịp thời, chính xác.

6. Triển khai thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến; dữ liệu và phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục.

7. Cập nhật dữ liệu ngành theo chỉ đạo của Ngành và Đề án 06, tiến tới thực hiện dữ liệu bản đồ GIS.

8. Triển khai ứng dụng định danh học sinh bằng mã số định danh cá nhân nhằm tạo ra và lưu trữ dữ liệu liên quan đến học sinh, sẵn sàng cho việc kết nối vào nền tảng định danh điện tử của thành phố; đồng thời, hỗ trợ công tác cập nhật, chuẩn hóa và quản lý dữ liệu học sinh đồng nhất trong thành phố.

9. Thực hiện Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số.

10. Tăng cường sự tương tác giữa nhà trường và cha mẹ học sinh thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm trên các thiết bị di động; từ đó giúp cho việc quản lý, giảng dạy, học tập, trao đổi thông tin của các trường học với học sinh và cha mẹ học sinh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

11. Đẩy mạnh triển khai Đề án “Trường học thông minh - Trường học không tiền mặt”.

Chương II

XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ THIẾT BỊ CNTT

Điều 3. Triển khai hạ tầng và thiết bị CNTT

1. Rà soát hệ thống máy tính của đơn vị, đảm bảo cấu hình máy tính đáp ứng yêu cầu dạy học trên internet và các ứng dụng trực tuyến; máy tính cần được sử dụng một cách hiệu quả để phục vụ công tác quản lý và công tác dạy và học.

2. Đảm bảo kết nối đường truyền cáp quang đủ mạnh để triển khai các ứng dụng trực tuyến như các hệ thống dạy - học trực tuyến, hệ thống thông tin quản lý nhà trường và các hệ thống báo cáo, khảo sát trực tuyến, tập huấn, họp trực tuyến...

3. Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT (phần cứng, phần mềm, website...). Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và phụ huynh học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính, máy tính bảng, máy tính cá nhân.

4. Đảm bảo hạ tầng CNTT để triển khai việc tập huấn giáo viên qua mạng theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 về việc Quy định ứng dụng CNTT trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục; báo cáo kịp thời kết quả tập huấn giáo viên về Hệ thống thông tin quản lý quá trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên (TEMIS) theo hướng dẫn của Bộ.

Điều 4. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống thông tin giáo dục:

1. Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT (phần cứng, phần mềm, website...). Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin.

2. Trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống CSDL giáo dục.

3. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và phụ huynh học sinh nhằm nâng cao nhận thức của người dùng cũng như kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin đối với các thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính, máy tính bảng, máy tính cá nhân.

4. Quán triệt đến toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên những hành vi không được phép thực hiện đối với dữ liệu cá nhân. Đảm bảo nguyên tắc thông tin trên CSDL ngành đối với dữ liệu nhân thân đảm bảo tính đồng nhất, tính xác thực và hạn chế tình trạng lộ lọt dữ liệu cá nhân của học sinh, giáo viên, phụ huynh.

5. Quản trị viên hệ thống; người được cấp tài khoản trên các hệ thống trực tuyến có nhiệm vụ bảo mật đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

6. Phân công trách nhiệm cụ thể cho lãnh đạo, cán bộ thông tin của đơn vị bằng văn bản và thực hiện đúng “Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của Ngành Giáo dục và Đào tạo và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 5. Tăng cường phối hợp với các đối tác có thể mạnh trong lĩnh vực để triển khai các ứng dụng CNTT&TT một cách hiệu quả

Chủ động phối hợp với các đơn vị cung cấp ứng dụng CNTT và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường và các đề án về giáo dục thông minh, chương trình chuyển đổi số của ngành giáo dục và đào tạo thành phố.

Chương III

NỘI DUNG QUY TRÌNH THỰC HIỆN

Điều 6. Khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung ngành giáo dục và đào tạo thành phố

7. Cơ sở dữ liệu dùng chung ngành giáo dục và đào tạo thực hiện theo nguyên tắc: Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý, vận hành và khai thác; Tính chính xác, đầy đủ và tin cậy; Được kết nối, chia sẻ với hệ thống thông tin quản lý giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hệ thống thông tin của Thành phố; Phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục đồng thời kết nối và chia sẻ với các nền tảng khác trong và ngoài ngành giáo dục.

8. CSDL được tích hợp trong hệ thống CSDL dùng chung của ngành giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Trên nền tảng CSDL giáo dục dùng chung triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường.

10. Ứng dụng hồ sơ điện tử: Trên nền tảng CSDL dùng chung triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử như điểm danh, sổ liên lạc, cập nhật tình trạng sức khỏe...

11. hệ thống quản trị trường học, lớp học, cơ sở vật chất trường học thông minh đồng bộ, kết nối, liên thông và chia sẻ.

12. Tổ chức thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với tất cả các đơn vị (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ và chính xác theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 về Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

13. Tổ chức rà soát, thu thập, tổng hợp đầy đủ thông tin về trường học, lớp học, học sinh, đội ngũ (cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên), cơ sở vật chất, tài chính đảm bảo thông tin đầy đủ, chính xác và cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành theo hướng dẫn.

14. Kiểm tra, rà soát, đánh giá tính khớp đúng các số liệu theo mẫu biểu báo cáo thống kê trước khi nộp lên cấp trên (như các thông tin trường, quy mô học sinh, số học sinh đi học đúng tuổi, số học sinh lưu ban, bỏ học, số hiệu trưởng, số giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo, thông tin phổ cập giáo dục, các chỉ tiêu tỷ lệ theo từng cấp học...).

Điều 7. Vận hành hệ thống Cổng thông tin điện tử:

1. Cổng thông tin điện tử đơn vị <https://mn19thang5q10.hcm.edu.vn> phải được tích hợp trong hệ thống Cổng thông tin điện tử của Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố tại địa chỉ: <https://www.hcm.edu.vn>.

2. Cập nhật, nâng cấp hệ thống Cổng thông tin điện tử theo hướng tăng cường các ứng dụng tương tác trên hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống, trong đó tập trung nâng cao hiệu quả và các ứng dụng khai thác dữ liệu cũng như các chức năng quản lý của hệ thống thông tin quản lý điều hành trên thiết bị di động (App điều hành) của ngành.

3. Triển khai đến phụ huynh sử dụng cài đặt Enetviet tích hợp vào Cổng thông tin điện tử. Phụ huynh có thể kết nối thông tin giữa gia đình và nhà trường thường xuyên, liên tục.

4. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho cá nhân quản lý và sử dụng Cổng TTĐT, phân công cán bộ chịu trách nhiệm về nội dung tin bài.

Điều 8. Sử dụng thư điện tử.

- Đơn vị thực hiện phân mềm liên thông hệ thống quản lý văn bản dung chung TP HCM <https://vpdt-vanban.tphcm.gov.vn>

- Hộp thư điện tử công vụ: <https://mail.tphcm.gov.vn/>

- Hộp thư điện tử ngành GD: ca10.mn195@hcm.edu.vn

Cập nhật thông tin tại các địa chỉ hộp thư điện tử đảm bảo tối thiểu hai lần một ngày (buổi sáng: trước 8 giờ; buổi chiều: trước 5 giờ). Tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong công tác quản lý, điều hành và thông tin liên lạc của đơn vị mình. Đảm bảo chế độ thông tin chính xác và kịp thời.

Đơn vị sử dụng địa chỉ thư điện tử để giao dịch trong công tác. Không sử dụng thư điện tử tên miền khác trong liên hệ, phối hợp công tác.

Điều 9. Cập nhật hồ sơ điện tử quản lý cán bộ viên chức

Tất cả viên chức đều được cập nhật thông tin về lên hệ thống hồ sơ điện tử của Sở Nội vụ <http://cbcc.hochiminhcity.gov.vn/>

- Lý lịch theo mẫu 2C
- Bằng cấp
- Quá trình công tác
- Quan hệ gia đình
- Quá trình lương
- Khen thưởng – Kỷ luật
- Đánh giá viên chức hàng năm

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho cá nhân quản lý cập nhật lên hệ thống, thường xuyên, kịp thời, chính xác. Hàng tháng chịu trách nhiệm về công tác lập danh sách nâng lương được trích xuất từ hệ thống.

Điều 10. Thực hiện các hệ thống phần mềm khác

Hàng năm nhà trường sẽ thực hiện các phần mềm theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo, nhà trường sẽ căn cứ vào tình hình thực tế và nội dung yêu cầu để phân công nhân sự thực hiện.

Chương IV

VẬN HÀNH VÀ QUẢN LÝ

Điều 11. Trách nhiệm của hiệu trưởng

1. Chịu trách nhiệm trước cấp lãnh đạo về việc quản lý và sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý của đơn vị; quản lý việc khai thác sử dụng tài khoản của các cá nhân trong phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo và phân công việc tổ chức thu thập dữ liệu, quản lý dữ liệu đảm bảo dữ liệu đầy đủ, chính xác và kịp thời; tổ chức khai thác sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và chuyển đổi số phục vụ quản lý, điều hành trong lĩnh vực đơn vị phụ trách.

3. Tiến hành việc thiết lập, phân quyền hệ thống người dùng phù hợp với quyền hạn, nhiệm vụ công tác cho từng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, đảm bảo nhiệm vụ phân công theo điều lệ trường mầm non. Chịu trách nhiệm toàn bộ nội dung thực hiện.

4. Quản lý tất cả các tài khoản sử dụng phần mềm tại đơn vị, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo mật tài khoản.

5. Kiểm tra về việc thực hiện quy định về cập nhật các thông tin lên hệ thống phần mềm

6. Thành lập các Ban chỉ đạo, quản lý có liên quan đến công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong đơn vị nhà trường.

7. Quyết định xử lý theo thẩm quyền đối với bộ, cá nhân vi phạm; quyết định khen thưởng theo thẩm quyền đối với bộ phận, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện quy chế này.

Điều 12. Trách nhiệm của các phó hiệu trưởng

1. Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn

a) Xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn có ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy và học. thực hiện việc làm clip trong tổ chức hoạt động giáo dục kết hợp với dạy học trực tiếp: xây dựng kho dữ liệu để cung cấp nguồn tài liệu, học liệu trực tuyến chia sẻ đến cha mẹ trẻ. Hướng dẫn giáo viên thực hiện các thiết bị tại phòng học, đồ dùng dạy học thông minh để đạt hiệu quả tối ưu.

b) Thường xuyên theo dõi và kiểm tra việc thực hiện ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của giáo viên.

c) Giúp hiệu trưởng phê duyệt nội dung về chuyên môn có liên quan đến ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

2. Phó hiệu trưởng phụ trách bán trú

a) Quản lý và đảm bảo bảo trì hệ thống máy tính và đường truyền dẫn, theo dõi việc cập nhật dữ liệu đúng quy định.

b) Lập kế hoạch chuẩn bị cơ sở vật chất đáp ứng các ứng dụng CNTT vào dạy học, hội họp.

c) Chịu trách nhiệm hướng dẫn giáo viên nhân viên thực hiện các phần mềm khi được yêu cầu.

d) Thường xuyên theo dõi và kiểm tra việc thực hiện ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của giáo viên và nhân viên.

e) Giúp hiệu trưởng phê duyệt nội dung có liên quan đến ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

Điều 13. Quản lý, sử dụng hệ thống CNTT và chuyển đổi số

1. CB-GV-NV được phân công chịu trách nhiệm quản lý dữ liệu thuộc phạm vi, lĩnh vực mình phụ trách; đảm bảo dữ liệu đầy đủ, cập nhật kịp thời.

2. CB-GV-NV được phân công chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu, thực hiện theo quy định.

3. Nghiêm cấm các hành vi cung cấp, cập nhật, khai thác sử dụng thông tin nhằm mục đích trục lợi cá nhân, vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT tập huấn giáo viên qua mạng theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 về việc Quy định ứng dụng CNTT trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục; báo cáo kịp thời kết quả tập huấn giáo viên về Hệ thống thông tin quản lý quá trình đào tạo, bồi dưỡng giáo

viên (TEMIS) theo hướng dẫn của Bộ. Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin toàn ngành.

Điều 14. Trách nhiệm chung của các thành viên tham gia sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và chuyển đổi số

1. Tất cả các thành viên tham gia sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường phải bảo mật tài khoản sử dụng, không nhờ người khác làm thay công việc của mình, thường xuyên thay đổi mật khẩu đăng nhập, ngoài ra phải thực hiện một số nhiệm vụ khác do hiệu trưởng yêu cầu.

2. Chịu trách nhiệm trước thủ trưởng đơn vị về việc quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu ứng dụng CNTT và chuyển đổi số khi được phân công.

3. Sử dụng tài khoản để khai thác sử dụng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo đúng mục đích và nhiệm vụ được phân công; không chia sẻ thông tin về tài khoản, mật khẩu cho cá nhân, tổ chức khác khi chưa được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị; thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

4. Trước khi chuyển công tác hoặc nghỉ chế độ, phải thực hiện bàn giao tài khoản sử dụng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho quản trị hoặc thủ trưởng đơn vị.

Điều 15. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật sử dụng.

Trong quá trình sử dụng, nếu phát hiện sự cố kỹ thuật liên quan đến Hệ thống mình phụ trách phải báo cáo ngay đến quản trị hoặc các cấp lãnh đạo để kịp thời phối hợp xử lý, tránh tình trạng mất dữ liệu.

Điều 16. Kinh phí Vận hành Hệ thống CNTT và chuyển đổi số

Kinh phí quản lý, vận hành, bảo trì, mở rộng và nâng cấp CNTT và chuyển đổi số được bảo đảm từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp, nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm có V chương, 17 điều và Quy chế có hiệu lực từ ngày kí.

Các bộ phận và cá nhân có liên quan nghiêm chỉnh chấp hành các quy định tại Quy chế này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về bộ phận quản trị để tổng hợp, trình lãnh đạo xem xét quyết định./.

